

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :301

Sang : Bánh canh cà lọc nam rôm su su
môp bắp cà rot
Sữa grow
Trưa : Cơm thòt lồn kho nam rôm cà rot
nghe. Canh chua cà chua thơm gia nầu bắp
tôm kho thòt heo nạc ngó gai
Món xào: cà rot nầu que
Xe: sữa grow
Xe chiều: Cháo thòt bò nũ nũ nầu xanh me

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36988				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
*CHỒ				
1	Lồn	6,000	28,670	1,720,200
2	Cà lọc	4,000	18,480	739,200
3	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
4	Tôm kho	100	78,100	78,100
5	Nộm mắm Cà (loại 1)	2,500	8,800	220,000
6	Dầu thảo mộc	2,000	6,280	125,600
7	Nộm cá	4,000	3,880	155,200
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Nghe tỏi	300	5,460	16,380
10	Dầu phồng	1,200	7,850	94,200
11	Gạo tẻ máy	25,000	2,630	657,500
12	Nấu xanh hạt	500	7,140	35,700
13	Mè (vừng)	300	11,880	35,640
14	Ngó (bắp) tỏi	1,000	4,200	42,000
15	Hành lá	1,500	6,300	94,500
16	Hành củ tỏi	1,000	5,780	57,800
17	Cà rot	5,500	5,460	300,300
18	Nam rôm	1,500	13,130	196,950
19	Gia nầu xanh	2,500	2,730	68,250
20	Nũ nũ xanh	3,000	3,680	110,400
21	Nấu cò ve (tỏi)	2,500	5,990	149,750
22	Cà chua	4,000	6,300	252,000
23	Nấu bắp	1,000	6,720	67,200
24	Rau mùi tàu (ngó gai)	100	6,410	6,410
25	Su su	1,000	3,050	30,500
26	Môp	2,000	3,990	79,800
27	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
28	Thòt lồn , bỏ xay hộp	1,600	29,400	470,400
29	Thòt lồn nạc	7,500	17,850	1,338,750
30	Thòt bỏ loại 1	2,300	37,800	869,400
31	Dừa ta	2,000	2,940	58,800
Cong				8,570,830
*XUẤT KHO				
32	Sữa bột Abbott Grow	12,500	20,500	2,562,500
Cong				2,562,500
Tổng tiền thức phẩm				11,133,330 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11137000(đ)
Số đồ nầu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				3670(đ)
Xuất ăn luy kê tổ nầu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tổ nầu tháng				
Tiền chi luy kê tổ nầu tháng				